TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29- 5 - 2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình " Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên toà số 70/2025/QĐST – HNGĐ ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 2004.

Nơi cư trú: số G, tổ B, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0702.964.986;

2. *Bị đơn*: anh Nguyễn Gia K, sinh năm 2004.

Nơi cư trú: tổ F, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0877.341.056;

(chị T xin vắng mặt; anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

Chị và anh K do mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2024

và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2024 ngày 05 tháng 7 năm 2024.

Thời gian đầu vợ chồng sống trong nhà cha mẹ anh K, chỉ có hai vợ chồng gia đình bên anh K đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, quá trình chung sống chị và anh K thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc do anh K không có nghề nghiệp ổn định nhưng lười lao động, không quan tâm đến chị và không chăm lo kinh tế gia đình, ngoài ra anh K ham chơi thường xuyên đi nhậu với bạn bè mà không quan tâm công việc gia đình, chị có khuyên và cho cơ hội nhưng anh K không thay đổi, nên từ đó tình cảm không còn, kéo dài đến tháng 01/2025 thì chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, không hàn gắn được, nay tình cảm không còn chị kiên quyết ly hôn với anh K.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Gia vắng M từ khi Toà án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, chị T có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, anh K vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, anh cũng được tống đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt anh K, chị T theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị do mai mối được cha mẹ hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do chi tiêu và thu nhập tạo lập kinh tế gia đình, anh K không quan tâm điều kiện sống và lao động để có thu thập, mà bỏ mặt cho chị T tư lo cuộc sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vả, đến tháng 01/2025 chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay, sau khi ly thân hai người cũng không tạo điều kiện hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Võ Thị T1 (mẹ ruột chị T), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung, tài sản chung và nợ: chị T khai không có không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét

Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T có yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình; bị đơn anh Nguyễn Gia K đã được tống đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay anh K cư trú tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, nên chị T khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Chị T xin ly hôn với anh K, nên quan hệ tranh chấp là " Ly hôn" theo quy định tại khỏan 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị do mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẩn do anh K không quan tâm điều kiện sống và lao động để có thu thập, mà bỏ mặt cho chị T tư lo cuộc sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẩn cãi vả, đến tháng 01/2025 chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay, sau khi ly thân anh chị cũng không tạo điều kiện hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Võ Thị T1 (mẹ ruột chị T), để anh chị có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung, tài sản chung và nợ: chị T khai không có không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ T là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ T đối với anh Nguyễn Gia K.

- Về hôn nhân: chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Gia K

- Về con chung, tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011921 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Nguyễn Gia K không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sư, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Chiến